TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày: 15-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Hưng.

2/ Ông Lê Xuân Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Văn K, sinh năm 1980; tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Số 40A/2, khu phố B 3, phường A, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1960; vợ, con: không; tiền án: Ngày 30/10/1997, Huỳnh Văn K bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 210/HS-ST. (Chưa thi hành đối với phần án phí hình sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự). Ngày 22/3/1999, Huỳnh Văn K bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 08/HSST. (Chưa thi hành đối với phần án phí hình sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự). Ngày 28/01/2005, Huỳnh Văn K bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 14/2005/HSST. Ngày 12/5/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm và tuyên y án 05 năm tù tại Bản án số 201/HSPT. (Chưa thi hành trách nhiệm dân sự, phần án phí dân sự sơ thẩm và tiền sung công quỹ nhà nước); tiền

sự: Không. Nhân thân: Ngày 30/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện DA (nay là thành phố DA) tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản tại Bản án số 140/2010/HSST. Ngày 30/01/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản tại Bản án số 38/2015/HSST. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Huỳnh Văn N, sinh năm 1982; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 40A/2, khu phố B 3, phường A, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1960; vợ, con: không; tiền án: Ngày 21/01/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam giữ tại Bản án số 24/2015/HSST. Ngày 30/01/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản tại Bản án số 38/2015/HSST. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 24/2015/HSST ngày 21/01/2015 và Bản án số 38/2015/HSST ngày 30/01/2015 là 07 năm tù giam. Nhân dân: Ngày 19/9/2000, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng 09 ngày tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại Bản án số 123/HS-ST. Ngày 11/01/2002, bị Tòa án nhân dân huyện DA, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 01/HSST. Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 221/2010/HSST. Tháng 7/2001 bị Công an xã An Bình xử phạt hành chính, lý do gây rối trật tự công cộng. Ngày 13/5/2003, sử dụng trái phép chất ma túy bị đưa đi cai nghiện 05 năm tại Trung tâm cai nghiện B, thuộc huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước. Ngày 04/9/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 4904 về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1975; ngụ tại: ấp B, xã T3, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1956; ngụ tại: Ấp C, xã T5, huyện D, tỉnh Bình Dương.

(Ông T2, bà T4 có mặt tại phiên Tòa.)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Bùi Văn T5, sinh năm 1998; ngụ tại: Kinh 2A, xã THA, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Bùi Minh C, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quãng Ngãi; chổ ở hiện nay: KT8, Trung Tâm Thương Mại S, khu phố NĐ, Thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Lê Văn T6, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quãng Ngãi; chổ ở hiện nay: Số 239 Đường LH, khu phố 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1983; ngụ tại: Số nhà 505, khu phố BĐ4, phường AB, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1986; ngụ tại: Số nhà 505, khu phố BĐ4, phường AB, thành phố DA, tỉnh Bình Dương.

(Ông T5, ông C, ông T6, ông T7, bà D3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn K và Huỳnh Văn N là anh em ruột, cả hai là đối tượng có nhiều tiền án, tiền sự về tội Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản. Riêng Huỳnh Văn N là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, N đã rủ K đi cướp giật tài sản của người đi đường. Vào ngày 04/8/2020 và ngày 08/9/2020, K điều khiển xe mô tô biển số 68T1-516.00, chở N ngồi phía sau thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 04/8/2020, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu sơn xanh đen, biển số 68T1-516.00 chở N đi từ khu phố TN, phường AB, thành phố DA, tỉnh Bình Dương đến huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với mục đích tìm người đi đường có đeo dây chuyền vàng để cướp giật. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, K và N đi đến đoạn đường ĐT 744 thuộc ấp B, xã T3, huyện D thì N phát hiện ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1975, ngụ ấp B, xã T3, huyện D điều khiển xe môtô Wave màu đỏ, biển số 61E1-473.50 đi trên đường ĐT 744, theo hướng ngược lại, trên cổ Ông T2 có đeo sợi dây chuyền vàng, nên Nguyễn kêu K quay xe lại, đuổi theo và áp sát xe môtô của Ông T2, N ngồi sau xe dùng tay giật sợi dây chuyền trên cổ Ông T2, làm Ông T2 và xe môtô ngã xuống đường, mặt dây chuyền rơi xuống đường. Sau khi giật được sợi dây chuyền, K điều khiển xe môtô chở N về thành phố DA, tỉnh Bình Dương. K ngồi uống cà phê còn N điều khiển xe môtô biển số 68T1-516.00 đi bán sợi dây chuyền tại tiệm vàng thuộc KT8, Trung tâm thương mại S thuộc khu phố N, phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương do ông Bùi Minh C, sinh năm 1984, HKTT: Đ, M, Quảng Ngãi làm chủ hộ kinh doanh, bán cho ông Lê Văn T6, sinh năm 1979, HKTT: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là nhân viên của tiệm vàng được số tiền 19.500.000 đồng. N quay trở lại quán cà phê nơi K chờ và chia cho K 9.000.000 đồng. Cả hai đã tiêu xài hết số tiền này. Sợi dây chuyền sau khi mua đã được cửa hàng mang đi

nấu cùng với số vàng khác nên không thu hồi được. Ông C, ông T6 không biết sợi dây chuyền do K phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của ông T6, ông C là có căn cứ.

Ông Đỗ Văn T2 đã làm đơn cớ mất tài sản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đồng thời giao nộp 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh hình phật di lặc, xung quanh được bọc bằng kim loại màu vàng, kích thước 04cmx3,5cm.

Bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền 18 Kara, trọng lượng 8,2 chỉ x 3.200.000 đồng = 26.240.000 đồng.

+ 01 (một) mặt dây chuyền vàng 18 Kara, trọng lượng 1,1 chỉ x 3.200.000 đồng = 3.520.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại là 29.760.000 đồng.

Đối với 01 mặt dây chuyền vàng 18 Kara, trọng lượng 1,1 chỉ là tài sản hợp pháp của ông Đỗ Văn T2, nên ngày 28/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Ông T2.

Ông Đỗ Văn T2 yêu cầu Huỳnh Văn K và Huỳnh Văn N bồi thường giá trị sợi dây chuyền theo kết luận định giá với số tiền là 26.240.000 đồng. K và Nguyễn đồng ý nhưng chưa bồi thương.

Do bị thương tích nhẹ nên ngày 14/12/2020, ông Đỗ Văn T2 có đơn yêu cầu không giám định thương tích.

Vụ 2: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 08/9/2020, K điều khiển xe môtô biển số 68T1-516.00 chở N đi đến địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với mục đích tìm người đi đường có đeo dây chuyền vàng để cướp giật. Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, K chở N đi trên đoạn đường ĐT 744, theo hướng từ thị trấn DT đi xã Thanh Tuyền. Khi đi đến đoạn đường ĐT 744 trước cổng Trung tâm văn hóa xã T5, thuộc Ấp C, xã T5, huyện D, K và N phát hiện bà Trần Thị T4, sinh năm 1956, ngụ Ấp C, xã T5, huyện D điều khiển xe đạp điện chạy ngược chiều trên tuyến đường ĐT 744 hướng về thị trấn Dầu Tiếng. K điều khiển xe môtô chở N quay lại, chạy ngược chiều, áp sát xe của bà T4 từ phía sau, N ngồi sau dùng tay giật sợi dây chuyền vàng trên cổ bà T4, làm bà T4 và xe đạp điện ngã xuống đường. Sau khi cướp được sợi dây chuyền, K điều khiển xe chở N chạy về thành phố DA, tỉnh Bình Dương. K ngồi đợi ở quán nước còn Nguyễn điều khiển xe mô tô mang sợi dây chuyền bán tại tiệm vàng "K T T 1", địa chỉ 1/26, khu phố BĐ 4, phường AB, thành phố DA, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1983, ngụ tại Số nhà 505, khu phố BĐ4, phường AB, thành phố DA làm chủ, bán cho bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1986, ngụ tại Số nhà 505, khu phố BĐ4, phường AB, thành phố

DA (bà D3 là em gái ông Nguyễn Ngọc T6) được số tiền 8.100.000 đồng, Nguyễn đưa cho K 3.000.000 đồng, K tiêu xài cá nhân hết 2.300.000 đồng, còn lại 700.000 đồng, N giữ lại 5.100.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết 1.500.000 đồng, còn lại 3.600.000 đồng. Cơ quan Công an đã tạm giữ số tiền còn lại của K và N.

Sợi dây chuyền sau khi mua đã được cửa hàng mang đi nấu cùng với số vàng khác nên không thu hồi được. Ông T7 và bà D3 không biết sợi dây chuyền do K phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của ông T7, bà D3 là có căn cứ.

Bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận: Một sợi dây chuyền vàng 18 Kara và mặt dây chuyền vàng 18 Kara, trọng lượng 3,5 chỉ x 3.270.000 đồng = 11.445.000 đồng.

Bà Trần Thị T4 yêu cầu K và Nguyễn bồi thường giá trị sợi dây chuyền theo kết luận định giá tài sản với số tiền là 11.445.000 đồng. K và N đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Do bị thương tích nhẹ nên ngày 17/12/2020, bà Trần Thị T4 có đơn yêu cầu không giám định thương tích.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại bà Trần Thị T4: Bà T4 yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn K và bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường giá trị sợi dây chuyền theo kết luận định giá tài sản với số tiền là 11.445.000 đồng.

- Đối với bị hại ông Đỗ Văn T2: Ông T2 yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn K và bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường giá trị sợi dây chuyền theo kết luận định giá với số tiền là 26.240.000 đồng.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T5: Xe mô tô biển số xe 68T1-516.00, Ông T5 đã bán cho bị cáo N nhưng chưa làm thủ tục sang tên đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn. Ông T5 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C: Ông C không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T6: Ông T6 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T7: Ông T7 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D3: Bà D3 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

Lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thống nhất với nội dung của bản cáo trạng cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N về tội "cướp giật tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

* Về vật chứng:

Đối với xe môtô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu sơn xanh đen, biển số 68T1-516.00 mà K và Nguyễn sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định xe môtô này do ông Bùi Văn T5, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Kinh 2A, THA, TH, Kiên Giang đứng tên chủ sở hữu. Ông T5 đã bán xe mô tô này cho bị can Nguyễn nhưng không làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của Huỳnh Văn N nhưng Nguyễn đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của Huỳnh Văn K những đồ vật, tài liệu sau: 01 giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Văn K, số 280864763 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/01/2018; tiền Việt Nam: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040419, biển số xe 68T1-516.00; 01 điện thoại Realme màu đỏ, số Imei1: 867470041323871.

- Khám xét nơi ở của Huỳnh Văn K tại khu phố BA, phường BC, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của K những đồ vật, tài liệu sau: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, xám, xanh đen, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size M, hiệu SHENGONGZI®; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trắng, xám, xám nhạt, xám đậm, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size L, hiệu KANASI; 01 áo khoác dài tay màu đen, size 2XL, hiệu UCKYBAO, hai cánh tay áo có chữ UCKYBAO đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, ngực áo có chữ màu đỏ STANFORD University đã qua sử dụng; 01 khăn trùm cổ màu tím đã qua sử dụng; 01 quần dài Jean màu xanh, size 34, hiệu TOMMY đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen hiệu PRADA đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu tím hồng, hiệu Nón Sơn đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu tím, hiệu An Thịnh đã qua sử dụng.

- Tại Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ của Huỳnh Văn N những đồ vật, tài liệu sau: 01 giấy chứng minh nhân dân số 280805049 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2020, tên Huỳnh Văn N; tiền Việt Nam 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng); 01 roi điện hiệu 928TYPE; 01 điện thoại OPPO A37 màu vàng, số IMEI1: 1863090033868339.

Đối với giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Văn K, số 280864763 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/01/2018; 01 điện thoại Realme màu đỏ, số Imei1: 867470041323871; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, xám, xanh đen, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size M, hiệu SHENGONGZI®; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trắng, xám, xám nhạt, xám đậm, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size L, hiệu KANASI; 01 áo khoác dài tay màu đen, size 2XL, hiệu UCKYBAO, hai cánh tay áo có chữ UCKYBAO đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, ngực áo có chữ màu đỏ STANFORD University đã qua sử dụng; 01 khăn trùm cổ màu tím đã qua sử dụng; 01 quần dài Jean màu xanh, size 34, hiệu TOMMY đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen hiệu PRADA đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu tím hồng, hiệu Nón Sơn đã qua sử dụng là những tài sản cá nhân của Huỳnh Văn K, K không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại những tài sản này cho bị cáo K.

Đối với 01 nón bảo hiểm màu tím, hiệu An Thịnh đã qua sử dụng là những tài sản cá nhân của bị can Huỳnh Văn N, Nguyễn không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại những tài sản này cho bị cáo N.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040419, biển số xe 68T1-516.00, là giấy tờ của xe mô tô mà K và Nguyễn sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang xử lý theo quy định.

Trả lại cho bị can N giấy chứng minh nhân dân số 280805049 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2020, tên Huỳnh Văn N và 01 điện thoại OPPO A37 màu vàng, số IMEI: 863090033868339 vì đây là tài sản cá nhân của N, N không sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 roi điện hiệu 928TYPE vì đây là công cụ hỗ trợ do Nhà nước quản lý.

Đề nghị tuyên trả số tiền Việt Nam 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) thu giữ của Huỳnh Văn N và số tiền Việt Nam: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của Huỳnh Văn K cho bà Trần Thị T4.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới tra cho bị hại bà Trần Thị T4 số tiền là 7.145.000 đồng.

Bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới tra cho bị hại ông Đỗ Văn T2 số tiền là 26.240.000 đồng.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời khai và trình bày của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Các bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng, cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về phần hình phạt:

Bị cáo K có ý kiến: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, mức hình phạt là phù hợp, bị cáo mong hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N có ý kiến: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, mức hình phạt là phù hợp, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo:

Bị cáo K: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho em bị cáo là bị cáo Nguyễn để được trở về với gia đình sớm.

Bị cáo N: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo bị HIV không biết có ra được hay không. Bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho anh cáo là bị cáo K để được trở về với gia đình sớm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các biên bản tố giác tội phạm, dựng lại hiện trường và thực nghiệm điều tra, bản kết

luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Huỳnh Văn K và Huỳnh Văn N đã có hành vi cùng nhau điều khiển xe gắn máy áp sát rồi công khai giật dây chuyền của các bị hại Đỗ Văn T2, Trần Thị T4. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản", thuộc trường hợp "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" "phạm tội 02 lần trở lên"; ngoài ra các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, lần phạm tội này của các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N được xác định là "Tái phạm nguy hiểm". Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSDT ngày 19/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N về tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo là xấu, đã bị kết án nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội..

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội hai lần trở lên.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo mắc bệnh HIV. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước nên Hội đồng xét xử:

Căn cứ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Huỳnh Văn K.

Căn cứ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Huỳnh Văn N.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

- Đối với giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Văn K, số 280864763 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/01/2018; 01 điện thoại Realme màu đỏ, số Imei1: 867470041323871; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, xám, xanh đen, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size M, hiệu SHENGONGZI®; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trắng, xám, xám nhạt, xám đậm, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size L, hiệu KANASI; 01 áo khoác dài tay màu đen, size 2XL, hiệu UCKYBAO, hai cánh tay áo có chữ UCKYBAO đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, ngực áo có chữ màu đỏ STANFORD University đã qua sử dụng; 01 khăn trùm cổ màu tím đã qua sử dụng; 01 quần dài Jean màu xanh, size 34, hiệu TOMMY đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen hiệu PRADA đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu tím hồng, hiệu Nón Sơn đã qua sử dụng là những tài sản cá nhân của Huỳnh Văn K. Quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của K đề nghị trả lại cho K là phù hợp.

- Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, xám, xanh đen, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size M, hiệu SHENGONGZI®; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trắng, xám, xám nhạt, xám đậm, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size L, hiệu KANASI và 01 nón bảo hiểm màu tím, hiệu An Thịnh đã qua sử dụng là những tài sản cá nhân của bị can Huỳnh Văn N, Quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của Nguyễn đề nghị trả lại cho Nguyễn là phù hợp

Đối với xe môtô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu sơn xanh đen, biển số 68T1-516.00 mà K và Nguyễn sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định xe môtô này do ông Bùi Văn T5, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Kinh 2A, THA, TH, Kiên Giang đứng tên chủ sở hữu. Ông T5 đã bán xe mô tô này cho bị can Nguyễn nhưng không làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của Huỳnh Văn N nhưng N đã sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040419, biển số xe 68T1-516.00, là giấy tờ của xe mô tô mà K và N sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang xử lý theo quy định.

Trả lại cho bị cáo N giấy chứng minh nhân dân số 280805049 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2020, tên Huỳnh Văn N và 01 điện thoại OPPO

A37 màu vàng, số IMEI1: 1863090033868339 vì đây là tài sản cá nhân của Nguyễn, Nguyễn không sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 roi điện hiệu 928TYPE vì đây là công cụ hỗ trợ do Nhà nước quản lý.

Đề nghị tuyên trả số tiền Việt Nam 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) thu giữ của Huỳnh Văn N và số tiền Việt Nam: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của Huỳnh Văn K cho bà Trần Thị T4 là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới tra cho bị hại bà Trần Thị T4 số tiền 7.145.000 đồng.

Bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới tra cho bị hại ông Đỗ Văn T2 số tiền là 26.240.000 đồng

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn K và bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội "cướp giật tài sản".

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn K 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020.

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe môtô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu sơn xanh đen, biển số 68T1-516.00 (tình trạng xe tại thời điểm giao nhận: xe đã cũ, không gương chiếu hậu bên phải) kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040419, biển số xe 68T1-516.00.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn K: 01 giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Văn K, số 280864763 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/01/2018; 01 điện thoại Realme màu đỏ, số Imei1: 867470041323871; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, xám, xanh đen, loại sọc caro, đã qua sử dụng, size M, hiệu SHENGONGZI®; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, trắng, xám, xám nhạt, xám đậm, loại sọc caro, đã qua sử

dụng, size L, hiệu KANASI; 01 áo khoác dài tay màu đen, size 2XL, hiệu UCKYBAO, hai cánh tay áo có chữ UCKYBAO đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu xanh, ngực áo có chữ màu đỏ STANFORD University đã qua sử dụng; 01 khăn trùm cổ màu tím đã qua sử dụng; 01 quần dài Jean màu xanh, size 34, hiệu TOMMY đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen hiệu PRADA đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu tím hồng, hiệu Nón Sơn đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn N: 01 nón bảo hiểm màu tím, hiệu An Thịnh đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân số 280805049 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2020 tên Huỳnh Văn N và 01 điện thoại OPPO A37 màu vàng, số IMEI: 863090033868339.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 roi điện hiệu 928TYPE.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/5/201).

+ Trả cho bị hại bà Trần Thị T4: Số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba răm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001390 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bị hại bà Trần Thị T4 số tiền 7.145.000 đồng (bảy triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bị hại ông Đỗ Văn T2 số tiền là 26.240.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà T4, Ông T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo K, bị cáo Nguyễn không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo K, bị cáo Nguyễn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn K, bị cáo Huỳnh Văn N liên đới chịu 1.669.250 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 15/9/2021).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. Dầu Tiếng;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND phường AB, thành phố DA, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Sơn